| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 09/01/2026
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Gia Phượng
Ông Nguyễn Tiến Dũng
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký TAND khu vực 2
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Duy - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13A/2025/QĐXX - ST ngày 03/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 /2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Quảng N, sinh năm 1982
Nơi ĐKHKTT: Khu Đại Đình, xã P, tỉnh Phú Thọ.
- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Kim T, sinh năm 1980
Nơi ĐKHKTT: Khu Đại Đình, xã P, tỉnh Phú Thọ.
( Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Quảng N trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh Nguyễn Kim T đăng ký kết hôn ngày 19/12/2001 tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Phùng Nguyên, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T đến năm 2015 thì xây nhà ở riêng nhưng vẫn sát nhà mẹ đẻ anh T là bà Nguyễn Thị T tại tại Khu Đại Đình, xã Phùng Nguyên, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đầu năm 2021 đến nay anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng cuối tháng anh mới về, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tháng 01/2023, mẹ đẻ anh T

là bà Tố chết. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* chị Đỗ Thị Quảng N xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều T sịnh ngày 14/3/2003 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 08/10/2007. Khi ly hôn chị N không đề nghị giải quyết về con chung do hai con chung đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Chị N xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về phía bị đơn anh Nguyễn Kim T:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp tống đạt các văn bản tố tụng đến anh Nguyễn Kim T. Cháu Nguyễn Kim H, sinh năm 2007 (con trai anh T) nhận thay và cam kết giao lại cho anh T. Đồng thời, anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đối với anh T nhưng anh T vắng mặt không lý do. Do đó, anh H không có lời khai và Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đồng thời Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ :

- *Tại biên bản xác minh ngày 18/11/2025 của Tòa án với UBND xã Phùng Nguyên thể hiện:* Chị N và anh T đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ ( cũ) nay là xã Phùng Nguyên , tỉnh Phú Thọ . Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh T tại khu Đại Bình, xã Phùng Nguyên, tỉnh Phú Thọ, quá trình chung sống giữa chị N và anh T có mâu thuẫn bất đồng về kinh tế nên từ khoảng năm 2021, anh T đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về. Cụ thể mâu thuẫn giữa anh chị khu dân cư không nắm rõ nhưng được biết anh Chị sống ly thân từ lâu. Đối với việc chị N đề nghị xin ly hôn với anh T, chính quyền địa phương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Tại biên bản làm việc ngày 18/11/2025 của Tòa án với cháu Nguyễn Kim H ( con trai anh T chị N ) , anh T trình bày:*

Do gặp khó khăn về kinh tế nên bố mẹ cháu có mâu thuẫn trong cuộc sống nên đầu năm 2021, bố cháu đi làm ăn xa, thỉnh thoảng nhà có việc bố cháu có về. bố cháu vẫn thường xuyên liên lạc với cháu. Khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy báo đương sự của Toà án, cháu đã gọi điện thoại thông báo cho bố cháu biết, bố cháu có nhờ cháu thông tin lại cho toà án là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định và xin vắng mặt do làm ăn xa không về được. Cháu không biết cụ thể nơi bố cháu sống và làm việc ở đâu do khi liên lạc bố cháu không nói. Cháu cam kết nhận được văn bản tố tụng sẽ giao lại cho bố cháu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội , xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Quảng N,.

Xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Kim T.

- Về con chung: Chị N không đề nghị giải quyết do hai cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa nguyên đơn chị Đỗ Thị Quảng N và bị đơn anh Nguyễn Kim T. Bị đơn là anh Nguyễn Kim T có đăng ký thường trú tại xã Phùng Nguyên, tỉnh Phú Thọ (HKTT trước đây: Khu Đại Đình, xã Phùng Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ). Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh T không đến Tòa án làm việc ,Tòa án đã nhiều lần xuống địa phương, gia đình để giao các văn bản tố tụng cho anh T . Gia đình, địa phương đã nhận được các văn

bản tố tụng và gia đình cho biết đã thông báo cho anh T , để anh đến Tòa có lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn và của gia đình và chính quyền địa phương nơi anh, chị cư trú có thể xác định: chị Đỗ Thị Quảng N và anh Nguyễn Kim T đăng ký kết hôn ngày 19/12/2001 trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại khu Đại Đình, xã Phùng Nguyên, đến năm 2015 thì xây nhà ở riêng nhưng vẫn sát nhà mẹ đẻ anh T. Cuộc sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vấn đề kinh tế. Từ đầu năm 2021, anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Cháu Nguyễn Kim H là con trai anh T cho biết, cháu đã thông báo lại cho anh T qua điện thoại về việc cháu thay anh nhận các văn bản của Tòa án và anh T nhờ cháu thông báo lại với Tòa án là anh đồng ý ly hôn .

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh T đã sống ly thân thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ; hôn nhân giữa chị N và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị N đề nghị ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2]. Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều T1 sịnh ngày 14/3/2003 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 08/10/2007. Khi ly hôn chị N không đề nghị giải quyết về con chung do hai con đã trưởng thành, HĐXX nhận thấy quan điểm của chị N phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không xem xét giải quyết

[3. 4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Quảng N ly hôn anh Nguyễn Kim T.

2. Về con chung: Không đặt xem xét giải quyết do các con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Quảng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị N phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005124 ngày 11/11/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Phú Thọ (Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi thành án);
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS khu vực 2;
- UBND xã Phùng Nguyên;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Ngọc Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Phú Thọ (Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi thành án);
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS khu vực 2;
- UBND xã Bản Nguyên;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Đình Yên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Ấm Hạ, huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Đình Yên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Xuan Áng, huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Đình Yên**